

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11-AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2026/DS-ST
Ngày: 27-01-2026
V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trí và bà Phạm Xuân Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11-An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-An Giang tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 27 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11-An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 267/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2025, về việc “tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 463/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Bùi Ngọc T, sinh ngày 30/04/1960, số căn cước công dân 092060001993; địa chỉ: số A, ấp M, xã L, tỉnh An Giang; có mặt;

2. *Bị đơn:* Ông Thái Văn T1, sinh năm 1982; địa chỉ: số B C, ấp T, xã L, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Bùi Ngọc T trình bày như sau: Do mối quan hệ quen biết với ông Thái Văn T1 nên ông T có cho ông T1 vay số tiền cụ thể như sau: Vào ngày 22/05/2025 ông T có cho ông T1 vay số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng. Vào ngày 26/05/2025 ông T có cho ông T1 vay số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng. Vào ngày 27/05/2025 ông T có cho ông T1 vay số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng. Vào ngày 05/06/2025 ông T có cho ông T1 vay số tiền 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng. Vào ngày 07/07/2025 ông T có cho ông T1 vay số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

Tổng số tiền ông Thái Văn T1 vay của ông T là 205.000.000 (Hai trăm lẻ năm triệu) đồng, lãi suất vay có tự thỏa thuận với nhau là 4%/tháng Việc cho

vay tiền thông qua hình thức chuyển khoản đến số tài khoản 070109740614 mang tên Thái Văn T1, Ngân hàng thương mại cổ phần Q (viết tắt M). Theo đó, ông T1 có hứa hàng tháng trả lãi và gốc cho ông T nhưng từ khi vay tiền cho đến nay ông T1 không thực hiện đúng như lời đã hứa, chỉ trả cho ông T số tiền lãi không trả số tiền gốc cụ thể ông T1 có trả lãi cho ông T được tổng số tiền 52.440.000 đồng (Năm mươi hai triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng). Sau 28/09/2025 cho đến nay ông Thái Văn T1 không thanh toán bất kỳ khoản tiền gốc hoặc tiền lãi nào dù ông T đã nhiều lần liên hệ ông T1 yêu cầu trả nợ nhưng vẫn không có kết quả. Nhận thấy ông T1 cố tình tránh né với ông T gây khó khăn trong việc yêu cầu thanh toán số tiền vay nói trên. Do đó, ông T yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang xem xét, giải quyết buộc ông Thái Văn T2 có trách nhiệm trả cho ông T số tiền 205.000.000 (Hai trăm lẻ năm triệu) đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền vay từ ngày 28/9/2025 cho đến khi vụ án được xét xử. Ngoài ra, ông T không còn yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa, ông T rút lại phần yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền vay từ ngày 28/9/2025 cho đến khi vụ án được xét xử.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Thái Văn T1 vắng mặt, không gửi ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Bùi Ngọc T khởi kiện ông Thái Văn T1 tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản. Ông T1 có nơi cư trú trên địa bàn xã L, tỉnh An Giang. Căn cứ các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 11-An Giang thụ lý giải quyết là đúng theo quy định.

[2] Ông Bùi Ngọc T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Thái Văn T1 trả cho ông T số tiền vay hiện còn thiếu là 205.000.000đồng. Căn cứ khởi kiện là sổ phụ tài khoản tiền gửi từ ngày 20/05/2025 đến ngày 31/10/2025. Quá trình giải quyết, ông T1 nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc ông T3 khởi kiện đòi số nợ còn thiếu, nhưng ông T1 không gửi ý kiến phản bác về yêu cầu khởi kiện của ông T. Căn cứ sổ phụ tài khoản tiền gửi thể hiện các lần ông T chuyển tiền cho ông T1 qua tài khoản ngân hàng là đúng với trình bày của nguyên đơn, đã có cơ sở xác định ông T1 có nhận tiền của ông T cho nên yêu cầu khởi kiện của ông T là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về tiền lãi: Nguyên đơn ông T tự nguyện rút lại phần yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền vay từ ngày 28/9/2025 cho đến khi vụ án được xét xử, cho nên Hội đồng xét xử cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện.

[4] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 217, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Ngọc T và xử như sau:

1) Buộc ông Thái Văn T1 có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Ngọc T số tiền là 205.000.000đồng (Bằng chữ: Hai trăm lẻ năm triệu đồng).

2) Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3) Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Ngọc T đối với phần yêu cầu tính lãi.

4) Về án phí: Buộc ông Thái Văn T1 có nghĩa vụ chịu án phí dân sự là 10.250.000đồng (Bằng chữ: Mười triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

5) Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11-An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Hùng